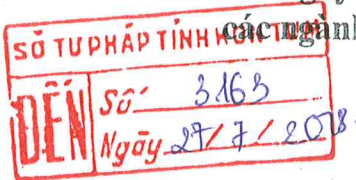


Số: 08/2018/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 19 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 16/2011/NQ-HĐND ngày 05/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của tỉnh đến năm 2020



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Tỉnh ủy (Khóa XIV) về xây dựng, phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực;

Thực hiện Kết luận số 724-KL/TU ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tỉnh ủy Kon Tum về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Tỉnh ủy về xây dựng, phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 16/2011/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của tỉnh đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 16/2011/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của tỉnh đến năm 2020, như sau:

1. Mục tiêu

a) Đến năm 2020 và định hướng năm 2025:

- Tập trung phát triển 04 ngành, nhóm ngành kinh tế mũi nhọn, bao gồm: (1) Nhóm ngành nông-lâm nghiệp; (2) Nhóm ngành công nghiệp chế biến; (3) Ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện; (4) Ngành du lịch.

- Xây dựng, phát triển 09 sản phẩm chủ lực của tỉnh, bao gồm: (1) Sản và các sản phẩm chế biến từ sản; (2) Sản phẩm trồng trọt ứng dụng công nghệ cao (*Sản phẩm trồng trọt và các sản phẩm chế biến từ sản phẩm trồng trọt*); (3) Sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao (*Sản phẩm từ chăn nuôi và các sản phẩm chế biến từ sản phẩm chăn nuôi*); (4) Cà phê và các sản phẩm chế biến từ cà phê; (5) Cao su và các sản phẩm chế biến từ cao su; (6) Sâm Ngọc Linh, các sản phẩm chế biến từ Sâm Ngọc Linh và các loại dược liệu; (7) Gỗ và các sản phẩm sản xuất từ gỗ; (8) Điện; (9) Du lịch sinh thái Măng Đen.

b) Phần đầu đến năm 2020: Diện tích trồng sản khoảng 35.700 ha, sản lượng khoảng 601.550 tấn - 650.000 tấn; diện tích trồng cây cà phê khoảng 18.000 ha, sản lượng 39.000 tấn/niên vụ - 40.000 tấn/niên vụ; diện tích trồng cây cao su đạt khoảng 90.000 ha, sản lượng mủ cao su đạt khoảng 92.000 tấn; diện tích trồng sâm Ngọc Linh khoảng 1.000 ha, sản lượng thu hoạch đạt trên 150 tấn, các cây dược liệu khác khoảng 1.000 ha; chế biến khoảng 60.000 m³ gỗ/năm; sản xuất 1,36 tỷ kwh điện; lượt khách du lịch đến Măng Đen khoảng 320.000 lượt.

c) Phần đầu đến năm 2025: Giảm diện tích trồng sản toàn tỉnh khoảng 34.100 ha; diện tích trồng cây cà phê toàn tỉnh khoảng 20.000 ha, sản lượng thu hoạch khoảng 57.000 tấn, sản lượng chế biến sâu khoảng 1.400 tấn; ổn định diện tích trồng cao su trên địa bàn tỉnh khoảng 93.000 ha, sản lượng mủ cao su đạt 95.000 tấn; phát triển trồng Sâm Ngọc Linh khoảng 2.500 ha, các cây dược liệu khác trồng khoảng 5.000 ha; đưa vào chế biến khoảng 70.000 m³ gỗ/năm; sản xuất 2,4 tỷ kwh điện thương phẩm; lượt khách du lịch đến Măng Đen khoảng 640.000 lượt.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây

- Định kỳ rà soát, đánh giá để bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch vùng nguyên liệu phù hợp với chủ trương dồn đổi, tích tụ đất nông nghiệp để xây dựng “cánh đồng lớn”, thực hiện phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh.

- Khuyến khích doanh nghiệp liên doanh, liên kết bao tiêu sản phẩm, tạo đầu ra cho nông sản để hình thành chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Rà soát, đầu tư xây dựng các công trình, dự án phục vụ phát triển du lịch trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn đáp ứng yêu cầu phát triển ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực đến 2025.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, tiểu thủ công nghiệp phát triển.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi; nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, bổ sung vào Đề án xây dựng và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản pháp luật*);
- Bộ Tài chính (*Vụ Pháp chế*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

